

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12/6/2026

V/v ly hôn; con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – PHÚ THỌ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Văn Đặng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Huê

2. Bà Phạm Thị Dần

Thư ký phiên tòa: bà Đào Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 5 năm 2026 và 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, về yêu cầu ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hà Thị Đ, sinh năm yyyy. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Lương Văn K, sinh năm yyyy. Vắng mặt không có lý do.

Cùng trú tại: xóm B, Q Đ, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hà Thị Đ trình bày như sau:

Chị Hà Thị Đ và anh Lương Văn K kết hôn với nhau năm 2018, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Đ B, tỉnh H B. Nay là xã Q Đ, tỉnh Phú Thọ.

Lý do chị Đ xin ly hôn anh K là: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc. Nhưng trong mấy năm gần đây do quan điểm trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không hoà hợp, không thể hiện được tiếng nói chung, hai bên gia đình đã cố gắng khuyên nhủ và hoà giải, nhưng hai vợ chồng không thể hoà

hợp được. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhau đã 03 năm nay, không còn có sự quan tâm đến nhau. Chị Đ xin được ly hôn anh Lường Văn K.

Về con chung: chị Đ và anh K có 02 con chung; con thứ nhất là Lường Yến N, sinh ngày dd/mm/yyyy, nguyện vọng của cháu N là nếu bố mẹ ly hôn muốn được ở với chị Đ; con thứ hai là Lường Diệp C, sinh ngày dd/mm/yyyy, nguyện vọng của cháu C là nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với anh K.

Các tài liệu có trong hồ sơ, chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh K. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm đến nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân 3 đến 4 năm nay.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Lường Văn K đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập, nhưng anh K không có mặt tại Toà án và không có ý kiến trả lời cho Toà án về nội dung chị Hà Thị Đ xin ly hôn anh K.

Tại biên bản xác minh đối với ông Lường Văn T (bố đẻ của anh K), ông T cho biết: Về tình cảm vợ chồng anh K và chị Đ không rõ nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào, cũng chỉ nghe anh K nói là chị Đ chơi bời, nói không nghe, nảy sinh mâu thuẫn và không có sự quan tâm đến nhau nữa. Ông T cho rằng, tình cảm vợ chồng anh K và chị Đ khó hàn gắn được, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng các con không nghe, hiện nay các con đã ly thân, không còn có sự quan tâm đến nhau nữa.

Ông T cũng đã thông báo cho anh K biết được Toà án thụ lý giải quyết ly hôn, các văn bản tố tụng Toà án gửi cho anh K, ông T cũng đều thông báo cho anh K biết, anh K có báo lại ông T là làm công ty không về được, để Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản xác minh đối với ông: Hà Văn Q - Trưởng xóm B, xã Q Đ, tỉnh Phú Thọ, ông Q cho biết: anh Lường Văn K và chị Hà Thị Đ, thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Việc anh, chị có mâu thuẫn như thế nào ông Q không biết được, chỉ nghe bố, mẹ anh K nói là anh K và chị Đ đi làm nhưng mỗi người một nơi, sống ly thân nhau từ lâu, không có sự quan tâm đến nhau.

Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án; các văn bản tố tụng của Tòa án đã được cấp, tổng đạt, theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn.

- Căn cứ pháp luật:

Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án bảo đảm đúng với các quy định của BLTTDS tại các Điều 28, 35, 39, 68, 93 đến 97, 191, 195, 196, 203, khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, hội thẩm nhân dân tham gia xét xử đúng thành phần ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 14. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia Tổ tụng:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 và 234 của BLTTDS 2015.

Đối với bị đơn: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh K vắng mặt không có lý do.

- Về hôn nhân: Nhận thấy, giữa chị Đ và anh K đã ly thân một thời gian dài, cả hai không còn quan tâm đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 56 luật HNGĐ 2014, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Đ với anh Lường Văn K.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 luật HNGĐ 2014 và để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục các cháu, VKSND đề nghị HĐXX giao cháu Lường Diệp C - SN dd/mm/yyyy cho anh Lường Văn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lường Yến N – SN dd/mm/yyyy cho chị Hà Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu, đề nghị HĐXX quyết định về số tiền cấp dưỡng của chị Đ và anh K đối với các cháu theo đúng quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

- Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục Tổ tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; chị Hà Thị Đ và anh Lường Văn K đều có hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã Q Đ, tỉnh Phú Thọ. TAND khu vực 14 – Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà chị Đ và anh K đều vắng mặt, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt không có lý do. HĐXX xét thấy việc chị Đ và anh K vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết, xét xử vụ án, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Hà Thị Đ và anh Lương Văn K kết hôn với nhau năm 2018, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ép buộc về hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND T T, huyện Đ B, tỉnh H B. Nay là xã Q Đ, tỉnh Phú Thọ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Đ và anh K là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại điểm a, b và khoản 1 Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Hà Thị Đ có đơn xin ly hôn anh K đây là quan hệ pháp luật Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập. Nhận thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai người đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa, không còn tình nghĩa vợ chồng, chị Đ đề nghị được ly hôn anh K.

Xét thấy, tình trạng, hôn nhân giữa chị Đ và anh K không còn có sự quan tâm đến nhau nữa, chị Đ và anh K đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không còn tính nghĩa vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Được chứng minh tại các biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Đ được quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh K có 02 con chung, con thứ nhất là Lương Yến N, nguyện vọng của cháu N là muốn được ở với chị Đ; con thứ hai là cháu Lương Diệp C, nguyện vọng của cháu C là muốn được ở với anh K. Xét thấy, cần chấp nhận và tôn trọng ý kiến của hai cháu Lương Yến N và cháu Lương Diệp C, được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại bản tự khai ngày 15/12/2025 chị Hà Thị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lương Diệp C mỗi tháng 1.000.000^d (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, chị Đ chưa yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ đối với cháu Lương Yến N.

Xét thấy, do chị Đ và anh K không có sự thoả thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không chứng minh được nguồn thu nhập. Nhưng xét thấy, chị Đ và anh K đều phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 82, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với mức cấp dưỡng theo sự tự

nguyện của chị Đ đối với cháu C là chưa phù hợp với quy định về mức cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ngày 16/5/2024. Căn cứ vào các quy định của pháp luật và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Do đó, chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lường Diệp C là 2.500.000^d/tháng; anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Lường Yên Nhi là 2.500.000^d/ tháng là phù hợp với quy định của Pháp luật.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Theo lời khai của chị Đ thì chị Đ và anh K không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, tại phiên toà HĐXX không xem xét, giải quyết về tài sản chung. Nếu sau này anh K và chị Đ có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh K và chị Đ có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận, do vậy chị Hà Thị Đ phải chịu án phí dân sự HN&GD theo quy định của pháp luật; Chị Đ và anh K phải chịu án phí về số tiền nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Một số lỗi trong việc xây dựng hồ sơ vụ án của Thẩm phán và Thư ký mà đại diện VKS đã nêu ra. Thẩm phán và Thư ký sẽ rút kinh nghiệm trong công tác nghiệp vụ chuyên môn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Đ về yêu cầu xin ly hôn anh Lường Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Lường Văn K.

2. Về con chung:

Giao cháu Lường Yến N, sinh ngày dd tháng mm năm yyyy cho cho chị Lường Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lường Yến N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Lường Diệp C, sinh ngày dd tháng mm năm yyyy cho anh Lường Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lường Diệp C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Lương Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lương Yên N với số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2026 cho đến khi cháu Lương Yên N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Hà Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lương Diệp C với số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 01/6/2026 cho đến khi cháu Lương Diệp C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Khi có thay đổi quyền nuôi con và mức tiền nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh K và chị Đ có quyền làm đơn thay đổi quyền nuôi con và mức tiền nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con và không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Tài sản chung; nợ chung: Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: chị Hà Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006756 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Chị Hà Thị Đ còn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lương Văn K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự, về số tiền chậm trả tại thời điểm chậm thi hành án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 14 Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 14 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Xa Văn Đặng